

PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG

Dành cho sinh viên không chuyên ngành Luật, khối ngành
Khoa học Tự nhiên

Thạc sĩ: Ngô Minh Tín

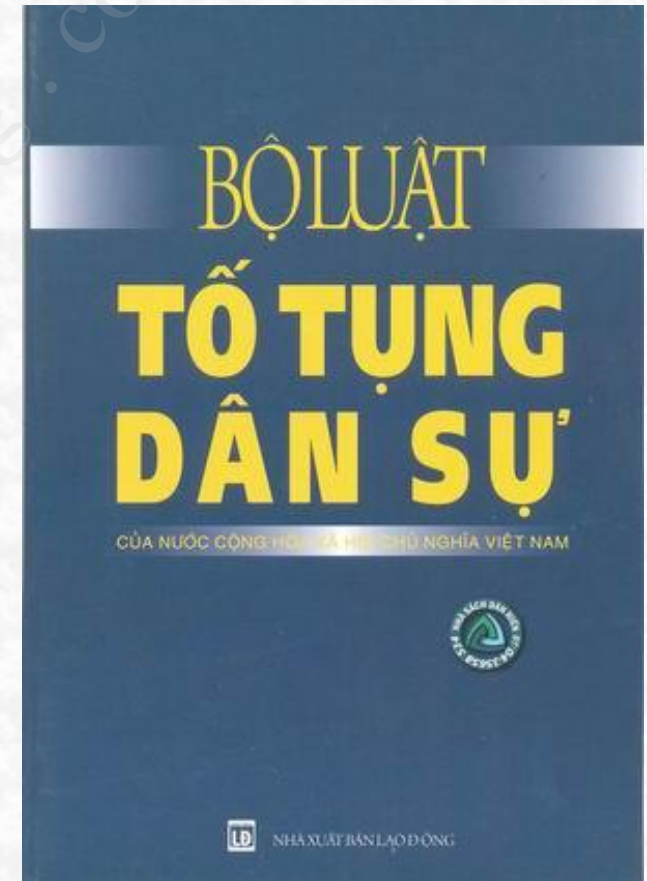
Email: nmtin@hcmus.edu.vn

CHƯƠNG 4

B. Luật Tố tụng Dân sự

I. Khái quát chung

II. Thủ tục tố tụng dân sự





B. Luật Tố tụng Dân sự

I. Khái quát chung

Khái niệm: là một ngành luật trong hệ thống pháp luật, bao gồm hệ thống các QPPL điều chỉnh **các quan hệ phát sinh trong tố tụng dân sự** để bảo đảm việc **giải quyết vụ việc dân sự** và **thi hành án dân sự** nhanh chóng, đúng đắn, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức và lợi ích của Nhà nước



B.Luật Tổ tụng Dân sự

I.Khái quát chung

Vụ việc dân sự
civil cases and matters

Vụ án dân sự
civil cases



Việc dân sự
civil matters



B.Luật Tổ tụng Dân sự

I.Khái quát chung

Vụ án dân sự

- Khởi kiện yêu cầu **giải quyết tranh chấp** dân sự, hôn nhân gia đình, kinh doanh thương mại, lao động

Việc dân sự

- Yêu cầu **công nhận hoặc không công nhận** sự kiện pháp lý làm phát sinh quyền, nghĩa vụ dân sự, hôn nhân gia đình, kinh doanh thương mại, lao động

B.Luật Tổ tụng Dân sự

I.Khái quát chung

VỤ ÁN DÂN SỰ

Điều 26,
BLTTDS

- Tranh chấp về **dân sự** (*Civil disputes*)

Điều 28,
BLTTDS

- Tranh chấp về **hôn nhân và gia đình** (*Marriage and family-related disputes*)

Điều 30,
BLTTDS

- Tranh chấp về **kinh doanh, thương mại** (*Business, trade disputes*)

Điều 32,
BLTTDS

- Tranh chấp về **lao động** (*Labor disputes*)

B.Luật Tổ tụng Dân sự

I.Khái quát chung

VIỆC DÂN SỰ

Điều 27,
BLTTDS

- Yêu cầu về **dân sự** (*Civil requests*)

Điều 29,
BLTTDS

- Yêu cầu về **hôn nhân và gia đình** (*Marriage-and family-related requests*)

Điều 31,
BLTTDS

- Yêu cầu về **kinh doanh thương mại** (*Business or trade requests*)

Điều 33,
BLTTDS

- Yêu cầu về **lao động** (*Labor requests*)

B.Luật Tổ tụng Dân sự

I.Khái quát chung

Nguyên tắc (từ Điều 3 đến Điều 22)



Tuân thủ pháp luật

Quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự

Hòa giải trong tố tụng dân sự

Thẩm phán, Hội thẩm ND xét xử vụ án DS và Thẩm phán giải quyết việc dân sự độc lập và chỉ tuân theo pháp luật

Bảo đảm chế độ xét xử sơ thẩm, phúc thẩm

Bảo đảm tranh tụng trong xét xử

B. Luật Tổ tụng Dân sự

I. Khái quát chung

Thẩm quyền của tòa án các cấp



Thẩm quyền của TAND cấp huyện: Điều 35, BLTTDS

Thẩm quyền của các Tòa chuyên trách TAND cấp huyện: Điều 36, BLTTDS

Thẩm quyền của TAND cấp tỉnh: Điều 37, BLTTDS

Thẩm quyền của các Tòa chuyên trách TAND cấp tỉnh: Điều 38, BLTTDS

Thẩm quyền Tòa án theo lãnh thổ: Điều 39, BLTTDS

Thẩm quyền của Tòa án theo sự lựa chọn của nguyên đơn, người yêu cầu: Điều 40, BLTTDS

B. Luật Tổ tụng Dân sự



I. Khái quát chung

Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng

Tòa án
nhân dân

- Chánh án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, **Thẩm tra viên**, Thư ký tòa án



Viện kiểm sát
nhân dân

- Viện trưởng VKS, Kiểm sát viên, **Kiểm tra viên**



B. Luật Tố tụng Dân sự

I. Khái quát chung

Người tham gia tố tụng

Đương
sự
(Điều 68)

- Nguyên đơn, bị đơn (*the plaintiffs, the defendants*)
- Người có quyền, nghĩa vụ liên quan (*the persons with related interests and obligations*)

Người tham
gia tố tụng
khác

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự
- Người làm chứng, người giám định, người phiên dịch, người đại diện



B. Luật Tố tụng Dân sự

I. Khái quát chung

Chứng cứ (evidences): là những gì có thật.

Điều 94. Nguồn chứng cứ

Chứng cứ được thu thập từ các nguồn sau đây:

- 1. Tài liệu đọc được, nghe được, nhìn được, dữ liệu điện tử.*
- 2. Vật chứng.*
- 3. Lời khai của đương sự.*
- 4. Lời khai của người làm chứng.*
- 5. Kết luận giám định.*
- 6. Biên bản ghi kết quả thẩm định tại chỗ.*
- 7. Kết quả định giá tài sản, thẩm định giá tài sản.*
- 8. Văn bản ghi nhận sự kiện, hành vi pháp lý do người có chức năng lập.*
- 9. Văn bản công chứng, chứng thực.*
- 10. Các nguồn khác mà pháp luật có quy định.*

B.Luật Tổ tụng Dân sự

I.Khái quát chung

Điều 97. Xác minh, thu thập chứng cứ

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền tự mình thu thập tài liệu, chứng cứ bằng những biện pháp sau đây:

- a) Thu thập tài liệu đọc được, nghe được, nhìn được; thông điệp dữ liệu điện tử;
- b) Thu thập vật chứng;
- c) Xác định người làm chứng và lấy xác nhận của người làm chứng;
- d) Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cho sao chép hoặc cung cấp những tài liệu có liên quan đến việc giải quyết vụ việc mà cơ quan, tổ chức, cá nhân đó đang lưu giữ, quản lý;
- đ) Yêu cầu Ủy ban nhân dân cấp xã chứng thực chữ ký của người làm chứng;
- e) Yêu cầu Tòa án thu thập tài liệu, chứng cứ nếu đương sự không thể thu thập tài liệu, chứng cứ;
- g) Yêu cầu Tòa án ra quyết định trưng cầu giám định, định giá tài sản;
- h) Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện công việc khác theo quy định của pháp luật.

B.Luật Tổ tụng Dân sự

I.Khái quát chung

Các biện pháp khẩn cấp tạm thời (Điều 115 đến Điều 132)

Điều 114. Các biện pháp khẩn cấp tạm thời

1. **Giao người** chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi cho cá nhân hoặc tổ chức trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.
2. **Buộc thực hiện trước** một phần nghĩa vụ cấp dưỡng.
3. **Buộc thực hiện trước** một phần nghĩa vụ bồi thường thiệt hại do tính mạng, sức khỏe bị xâm phạm.
4. **Buộc người sử dụng lao động tạm ứng** tiền lương, tiền bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, chi phí cứu chữa tai nạn lao động hoặc bệnh nghề nghiệp, tiền bồi thường, trợ cấp tai nạn lao động hoặc bệnh nghề nghiệp cho người lao động.
5. **Tạm đình chỉ thi hành** quyết định đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, quyết định sa thải người lao động.



B. Luật Tố tụng Dân sự

I. Khái quát chung

Các biện pháp khẩn cấp tạm thời (tt)

Điều 114. Các biện pháp khẩn cấp tạm thời

6. **Kê biên tài sản** đang tranh chấp.
7. **Cấm chuyển dịch quyền** về tài sản đối với tài sản đang tranh chấp.
8. **Cấm thay đổi hiện trạng** tài sản đang tranh chấp.
9. **Cho thu hoạch, cho bán** hoa màu hoặc sản phẩm, hàng hóa khác.
10. **Phong tỏa tài khoản tại ngân hàng, tổ chức tín dụng khác, kho bạc nhà nước; phong tỏa tài sản ở nơi gửi giữ.**
11. **Phong tỏa tài sản** của người có nghĩa vụ.
12. **Cấm hoặc buộc thực hiện hành vi nhất định.**
13. **Cấm xuất cảnh** đối với người có nghĩa vụ.
14. **Cấm tiếp xúc với nạn nhân bạo lực gia đình.**
15. **Tạm dừng việc đóng thầu và các hoạt động có liên quan đến việc đấu thầu.**
16. **Bắt giữ tàu bay, tàu biển để bảo đảm giải quyết vụ án.**
17. Các biện pháp khẩn cấp tạm thời khác mà luật có quy định.



B. Luật Tổ tụng Dân sự

I. Khái quát chung



Án phí, lệ phí:

Điều 143. Tiền tạm ứng án phí, tiền tạm ứng lệ phí; án phí, lệ phí

1. **Tiền tạm ứng án phí** bao gồm tiền tạm ứng án phí sơ thẩm và tiền tạm ứng án phí phúc thẩm.
2. **Án phí** bao gồm án phí sơ thẩm và án phí phúc thẩm.
3. **Tiền tạm ứng lệ phí** giải quyết việc dân sự bao gồm tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm và tiền tạm ứng lệ phí phúc thẩm.
4. **Lệ phí** bao gồm lệ phí cấp bản sao bản án, quyết định và các giấy tờ khác của Tòa án, lệ phí nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc dân sự, lệ phí giải quyết việc dân sự và các khoản lệ phí khác mà luật có quy định.

Cơ sở pháp lý:

Luật phí và lệ phí năm 2015

Nghị quyết 362/2016/UBTVQH ngày 21/12/2016

B. Luật Tố tụng Dân sự

I. Khái quát chung



Thời hạn hiệu khởi kiện, thời hiệu yêu cầu

(The statute of limitations for lawsuits, the statute of limitations for requests)

“Thời hiệu khởi kiện là thời hạn mà chủ thể được quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án dân sự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm; nếu thời hạn đó kết thúc thì mất quyền khởi kiện.” Khoản 3, Điều 150, BLDS 2015

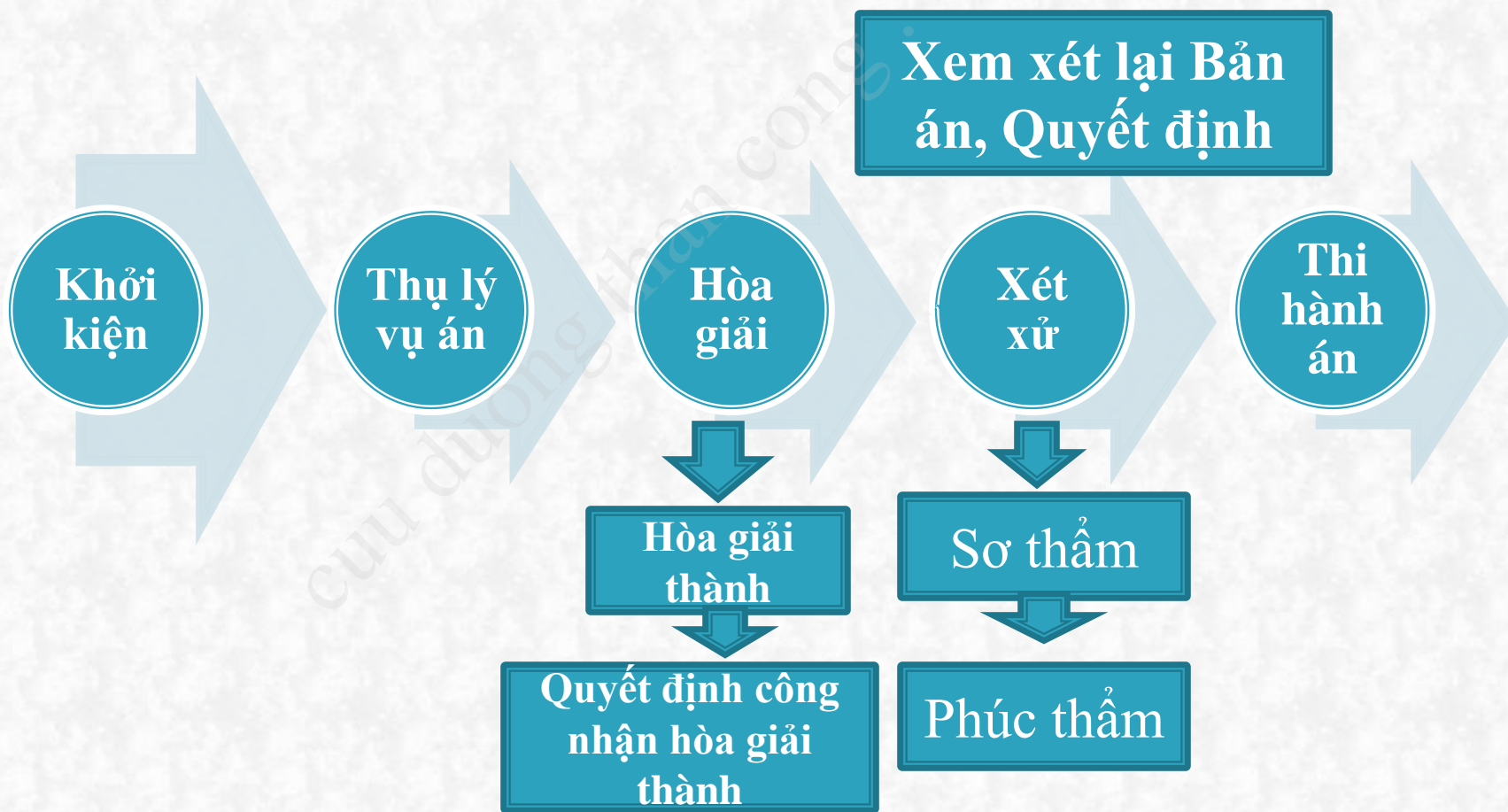
Điều 184. Thời hiệu khởi kiện, thời hiệu yêu cầu giải quyết việc dân sự

1. Thời hiệu khởi kiện, thời hiệu yêu cầu giải quyết việc dân sự được thực hiện theo quy định của Bộ luật dân sự.

B. Luật Tố tụng Dân sự

II. Thủ tục tố tụng dân sự

Thủ tục giải quyết VỤ ÁN DS



B. Luật Tổ tụng Dân sự

II. Thủ tục tổ tụng dân sự

Thủ tục giải quyết VIỆC DS

**Xem Phần thứ năm: Thủ tục
giải quyết việc dân sự, từ Điều
311 đến Điều 341**

